

Số: /ĐA-UBND

Cẩm Lĩnh, ngày tháng 04 năm 2023

ĐỀ ÁN

Phát triển kinh tế nông thôn giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 xã Cẩm Lĩnh, huyện Cẩm Xuyên

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Cẩm Lĩnh là xã ven biển của huyện Cẩm Xuyên cách xa trung tâm huyện 18km, Phía Bắc giáp xã Cẩm Nhượng và Biển Đông, phía Đông giáp xã Kỳ Xuân, Kỳ Anh, phía Nam giáp xã Cẩm Trung, phía tây giáp xã Cẩm Lộc, có diện tích tự nhiên 1.744,1 ha với 6.381 nhân khẩu, toàn xã có 6 đơn vị thôn xóm. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân, trong những năm qua cấp ủy Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị từ xã đến thôn xóm đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện khá đồng bộ các giải pháp để đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân gắn với xây dựng NTM. Với sự quyết tâm chính trị cao, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự hưởng ứng và tham gia tích cực của nhân dân đã đạt được những kết quả nhất định: Bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới; hạ tầng nông thôn được quy hoạch và đầu tư xây dựng kiên cố, kinh tế - xã hội phát triển khá toàn diện; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; năm 2019 xã nhà được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn những hạn chế, khó khăn, thách thức đó là: Thu nhập của người dân chưa cao, tiềm năng, lợi thế chưa được phát huy tối đa, nhất là tiềm năng về rừng, biển. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm, chưa đột phá, diện tích bỏ hoang vụ Hè thu còn nhiều nhưng chưa có giải pháp để chuyển đổi mô hình sản xuất lúa sang quy hoạch vùng trồng màu, trồng cây dược liệu theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Các loại hình tổ chức sản xuất hiệu quả hoạt động còn hạn chế, mạng tính tự phát, quy mô nhỏ, chưa có liên doanh liên kết trong sản xuất. Kết cấu hạ tầng đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, tuy nhiên, có nơi vẫn chưa đáp ứng tốt nhất nhu cầu cho phát triển sản xuất, kinh doanh, dân sinh. Do đó việc xây dựng Đề án phát triển kinh tế nông thôn giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 xã Cẩm Lĩnh, huyện Cẩm Xuyên là cần thiết để có chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững gắn với xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn xã trong những năm tiếp theo là cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý:

1.1. Văn bản Trung Ương.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”

- Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.2. Văn bản cấp tỉnh.

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”.

- Quyết định 3004/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”.

1.3. Văn bản cấp huyện.

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 24/7/2020, Nghị quyết Đại hội Đại biểu huyện Cẩm Xuyên lần thứ XXXII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Chương trình số 06-CTr/HU ngày 26/ 9/2020 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXXII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 07/01/2022 của BCH Đảng bộ huyện về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng huyện Cẩm Xuyên đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 31/3/2021 của BCH Đảng bộ huyện về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tập trung ruộng đất xây dựng vùng sản xuất quy mô lớn, nâng cao hiệu quả giá trị sản xuất, thúc đẩy tích tụ ruộng đất liên kết phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

- Quyết định số 4320/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện Cẩm Xuyên về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Lĩnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2030 (tỷ lệ 1/5000).

- Kế hoạch số 3067/KH-UBND ngày 28/11/2019 của UBND huyện Cẩm Xuyên về Cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025.

1.4. Văn bản cấp xã.

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐU ngày 22/4/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Cẩm Lĩnh, lần thứ XXXII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết số 14-NQ/ĐU ngày 12/01/2023 của BCH Đảng bộ xã về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng xã Cẩm Lĩnh đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2. Căn cứ thực tiễn:

Cẩm Lĩnh là một xã có lợi thế về kinh tế biển với đường bờ biển dài 4 km, có đường quốc lộ 15B đi qua địa bàn xã có chiều dài 2,7 km, đường huyện lộ đi qua địa bàn xã có tổng chiều dài 1,6km, đường trục xã có tổng chiều dài 4km, 46,86% diện tích là đồi núi; có hệ thống hồ đập, trạm bơm, kênh mương tưới tiêu chủ động...tạo thuận lợi để xã Cẩm Lĩnh phát triển sản xuất, đa dạng hóa ngành nghề, nâng cao thu nhập cho nhân dân.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG.

1. Phạm vi.

Phạm vi của Đề án: Trên địa bàn xã.

2. Đối tượng triển khai Đề án.

a) Đối tượng thụ hưởng: Là người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

b) Đối tượng thực hiện: Hệ thống chính trị xã, trong đó, chủ thể thực hiện chính là người dân trên địa bàn xã.

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN
XÃ CẨM LĨNH GIAI ĐOẠN 2020 - 2022

I. KHÁI QUÁT CHUNG TÌNH HÌNH

1. Điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý

+ Phía Bắc giáp xã Cửa Nhượng và Biển Đông;

+ Phía Nam giáp xã Cẩm Trung;

+ Phía Đông giáp xã Kỳ Xuân và Kỳ Bắc (Huyện Kỳ Anh)

+ Phía Tây giáp xã Cẩm Lộc.

- **Về địa hình:** Cẩm Lĩnh là xã bán sơn địa, có 46,86% diện tích là đồi núi, địa hình dốc theo hướng Nam - Bắc, có đỉnh núi cao nhất là 403,0m so với mực nước biển.

- **Diện tích tự nhiên, trong đó diện tích các loại đất:**

Tổng diện tích tự nhiên là 1.744,10ha trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 1.271,08 ha, chiếm 72,88%

+ Đất phi nông nghiệp: 391,55 ha, chiếm 22,45%

+ Đất chưa sử dụng: 81,47 ha, chiếm 4,67%.

- Khoáng sản: Trên địa bàn xã hiện nay có Hợp tác xã 30/4 khai thác đá và chế biến đá xây dựng tại Núi Rác với diện tích 4,3 ha, công suất khai thác đạt 100.000m³/năm.

Là địa phương có lợi thế về “Rừng vàng, biển bạc” với 46,86% diện tích là đồi núi, đường bờ biển dài 4 km; ngoài ra nguồn tài nguyên đất, nước phong phú. Đây là điều kiện tự nhiên rất thuận lợi để xã Cẩm Lĩnh phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và phục vụ dân sinh.

2. Điều kiện kinh tế, xã hội.

- Đánh giá chuyên dịch cơ cấu kinh tế của xã năm 2020 - 2022 thông qua đánh giá tổng giá trị sản xuất, tỷ trọng ngành nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ tương ứng qua các năm 2020 - 2022.

- Năm 2020: Tổng giá trị thu nhập đạt 213.573,96 triệu đồng, trong đó tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 52,2%, công nghiệp - xây dựng chiếm 17,8%; Thương mại - dịch vụ, ngành nghề khác chiếm: 29,7%.

- Năm 2021: Tổng giá trị thu nhập đạt 241.161,46 triệu đồng, trong đó tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 50,3%, công nghiệp - xây dựng chiếm 18,4%; Thương mại - dịch vụ, ngành nghề khác chiếm: 31,3%.

- Năm 2022: Tổng giá trị thu nhập đạt 270.128,43 triệu đồng, trong đó tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 49,6%, công nghiệp - xây dựng chiếm 18,2%; Thương mại - dịch vụ, ngành nghề khác chiếm: 32,2%.

- Tổng dân số: 6.381 người, cơ cấu lao động: Tổng lao động: 3.579 người, trong đó: Lao động nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề khác: 2.919 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của mỗi ngành: 62,69%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 45,87 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới giai đoạn 2021-2025): Hộ nghèo 121 hộ đạt 6,94%; Hộ Cận nghèo 123 hộ đạt 7,06%.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành các văn bản nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn.

- Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXXII, nhiệm kỳ 2020-2025, xã Cẩm Lĩnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh bằng nhiều cách làm năng động, sáng tạo, tranh thủ các chương trình, dự án, khai thác sử dụng có hiệu quả nguồn lực; phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, ban hành nhiều cơ chế chính sách, Đề án, Nghị quyết để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nên kinh tế tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng và đảm bảo phát triển bền vững.

2. Kết quả thực hiện các chương trình MTQG, dự án.

- Thực hiện các chương trình MTQG, dự án về trên địa bàn, xã Cẩm Lĩnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình MTQG, trong đó trọng tâm là chương trình MTQG về xây dựng NTM và Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò chủ thể của người dân về các chương trình MTQG; kịp thời xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách về phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững.

- Với sự chỉ đạo quyết liệt, sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự vào cuộc và hưởng ứng tích cực của Nhân dân, năm 2019 xã được công nhận xã đạt chuẩn NTM đến nay các tiêu chí tiếp tục được củng cố và nâng cao phần đầu xã đạt chuẩn NTM nâng cao vào năm 2023, có 4/6 thôn được công nhận khu dân cư kiểu mẫu, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều đến cuối năm 2022 là 6,94%, hộ cận nghèo là 7,06%; Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 45,87 triệu đồng/người/năm.

III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC.

1. Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Tổng thu nhập lĩnh vực sản xuất Nông nghiệp năm 2020 đạt 111.482,7 triệu đồng, trong đó: Trồng trọt chiếm 21,6%, chăn nuôi chiếm 10,4%, Lâm nghiệp chiếm 6,7%, thủy sản chiếm 61,3%.

- Tổng thu nhập lĩnh vực sản xuất Nông nghiệp năm 2022 đạt 134.145,8 triệu đồng, trong đó: Trồng trọt chiếm 23,4%, chăn nuôi chiếm 11,7%, Lâm nghiệp chiếm 6,5%, thủy sản chiếm 58,4%.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân lĩnh vực sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2020-2022 từ 10 -11%/năm. Trong đó sản phẩm hàng hóa chủ lực trong lĩnh vực nông nghiệp là các sản phẩm từ nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản như: Hàu, ốc hương, sò Bến tre, nước mắm, các hải sản khác...

1.1. Trồng trọt

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp: 421,93ha

- Cây lúa: Diện tích 217,8 ha, năng suất bình quân 53,2tạ/ha.

- Cây hàng năm diện tích 38,21ha chủ yếu là trồng các cây hoa màu như khoai, lạc, đậu, dưa, rau các loại..

- Về tích tụ, tập trung ruộng đất: Là địa phương có diện tích đất trồng lúa nhỏ lẻ, đất bị nhiễm phèn, phân bố không tập trung, không bằng phẳng, ruộng bậc thang nên việc triển khai mô hình phá bỏ bờ vùng, bờ thửa nhỏ hình thành thửa lớn theo Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 31/3/2021 của BCH Đảng bộ huyện còn gặp nhiều khó khăn nên chưa triển khai thực hiện được.

- Ứng dụng cơ giới hóa vào trong sản xuất trong khâu làm đất, thu hoạch góp phần giải phóng sức lao động, rút ngắn thời gian làm đất, gieo cấy, thu hoạch. Hiện nay trên địa bàn xã có 26 Máy làm đất, 5 máy gặt đập liên hoàn đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất của Nhân dân.

- Chú trọng đưa các giống lúa mới năng suất, chất lượng cao vào sản xuất kết hợp với việc xây dựng vùng cơ cấu góp phần tăng năng suất, sản lượng và tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác.

1.2. Chăn nuôi

- Tổng số đàn trâu bò: 815 con.

- Tổng số đàn lợn: 135 con.

- Tổng số đàn gia cầm: 28.000 con.

- Tổng số hộ chăn nuôi: 279 hộ

- Phát huy lợi thế về rừng, trên địa bàn xã Cẩm Lĩnh hiện nay có nhiều hộ phát triển trang trại ven rừng kết hợp sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và trồng rừng. Có nhiều mô hình chăn nuôi phát huy hiệu quả như mô hình nuôi bò nhốt, nuôi gà, nuôi dê, chăn nuôi tổng hợp. Giá trị thu nhập từ chăn nuôi trên địa bàn năm 2022 chiếm 11,7% trong cơ cấu thu nhập từ nông nghiệp.

- Quan tâm việc xử lý chất thải trong chăn nuôi, nhất là tuyên truyền, hướng dẫn các hộ chăn nuôi sử dụng công nghệ đệm lót sinh học, công nghệ biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi, đến nay có 41% sử dụng đệm lót sinh học (115 hộ), 54% hộ chăn nuôi có hố ủ phân (150 hộ) đảm bảo tiêu chí môi trường.

- Làm tốt công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, tỷ lệ tiêm phòng hàng năm đều đạt trên 85%.

1.3. Nuôi trồng, khai thác thủy sản.

- Cẩm Lĩnh là xã có điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản. Vì vậy những năm qua, cấp ủy Đảng, Chính quyền đã tập trung chỉ đạo phát huy lợi thế để phát triển kinh tế từ biển. Trong sản xuất nông nghiệp thì nuôi trồng và đánh bắt thủy sản giữ vai trò chủ đạo và chiếm 58,4% trong cơ cấu thu nhập từ nông nghiệp.

- Về nuôi trồng thủy sản: Tận dụng tối đa diện tích mặt nước để đầu tư phát triển nuôi trồng thủy hải sản các loại. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 48,67ha, trong đó tập trung các loại con nuôi có giá trị kinh tế cao như ốc hương, hào, sò...

- Về Khai thác thủy sản: Tổng số tàu cá trên địa bàn có 225 tàu, trong đó có 22 tàu có công suất trên 90CV khai thác xa bờ, có 130 tàu công suất từ 20 - 90CV khai thác vùng lộng, có 73 tàu công suất dưới 20CV khai thác ven bờ. Ngư trường hoạt động chủ yếu là các vùng biển Cửa Nhượng, Cửa Sốt, Quảng Ninh, Bình Thuận. Trung bình có từ 6 - 8 lao động/1 tàu đã giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định cho nhiều lao động tại địa phương.

- Sản lượng đánh bắt, nuôi trồng năm 2022 ước đạt 2.400 tấn.

1.4. Lâm nghiệp

- Diện tích đất lâm nghiệp toàn xã có 816,68ha, trong đó rừng phòng hộ 747,99ha, rừng sản xuất 68,69ha. Diện tích rừng phòng hộ giao cho các hộ theo dự án trồng 5 triệu ha rừng, còn lại rừng sản xuất mới giao tạm thời cho các hộ chưa có hồ sơ bàn giao đất. Cây trồng chủ yếu đối với dự án trồng keo, thông, lim.

- Rừng sản xuất còn lại trồng cây keo, bạch đàn, phi lau, hàng năm khai thác từ 100-150m³ đối với rừng sản xuất, rừng phòng hộ do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện quản lý.

- Về hiệu quả về kinh tế vườn đồi cho thu nhập khá, môi trường xanh sạch đẹp.

1.5. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm về chất lượng hàng hóa vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm.

- Công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra, giám sát về chất lượng hàng hóa vật tư nông nghiệp, ATTP được quan tâm và thực hiện tốt. Hàng năm, UBND xã thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, phối hợp với Đoàn kiểm tra liên

ngành của huyện để kiểm tra các ốt quán kinh doanh các mặt hàng vật tư nông nghiệp, thực phẩm. 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp đạt yêu cầu.

2. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Cẩm Lĩnh lần thứ XXXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng nhằm từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng CNH-HĐH. Bằng nhiều cơ chế, chính sách kích cầu, hỗ trợ để kêu gọi các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư, phát triển đa dạng các ngành nghề, trong đó tập trung một số ngành nghề như: sửa chữa điện dân dụng, xe máy, sửa chữa tàu thuyền, ngư cụ, gia công cơ khí, cơ sở đóng gạch thủ công, mộc, xây xát, nấu rượu, chế biến lương thực thực phẩm, chế biến hải sản... góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân, công nghiệp. Đến nay trên địa bàn có 42 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Kết quả thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Trên địa bàn đến thời điểm năm 2022 đã có 01 sản phẩm đạt chuẩn OCOP 3 sao, đó là sản phẩm nước mắm Vinh Vân. Xã Cẩm Lĩnh là xã có lợi thế về đánh bắt hải sản nên nguyên liệu đầu vào phục vụ chế biến nước mắm luôn được đảm bảo về chất lượng và sản lượng. Sản phẩm được quảng bá và tiêu thụ trong tỉnh, tổng doanh thu hàng năm đạt 650 triệu đồng/năm.

- Với lợi thế là xã ven biển, có trên 225 tàu thuyền khai thác thủy sản, ngoài sản phẩm nước mắm Vinh Vân đã đạt chuẩn OCOP thì Cẩm Lĩnh còn có thể phát triển đa dạng nhiều sản phẩm khác từ chế biến thủy sản như tôm khô, mực khô, ruốc mặn mang thương hiệu truyền thống xã nhà. Ngoài ra với diện tích rừng và đồi núi chạy dọc ven biển tạo thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, phát triển các mô hình nuôi dê núi, hươu, gà đồi....

Bên cạnh những thuận lợi thì trong quá trình thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP còn gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế như: Các hộ dân sản xuất chế biến đang còn nhỏ lẻ, thủ công, việc đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại vào sản xuất chưa cao, việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm chưa rộng rãi, thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa ổn định; nhận thức của các chủ cơ sở sản xuất kinh doanh về xây dựng sản phẩm đạt chuẩn OCOP còn hạn chế.

3. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ

- Đến nay trên địa bàn có 169 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và chiếm tỷ trọng 32,2% trong cơ cấu nền kinh tế xã nhà. Các loại hình phát triển lĩnh vực thương mại – dịch vụ chủ yếu là buôn bán hàng tạp hoá, buôn bán lương thực, thực phẩm, dịch vụ ăn uống, dịch vụ vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; Ngoài ra việc chuyển đổi hình thức quản lý tại chợ Thá sang cho

HTX quản lý đã phát huy tốt hiệu quả, cơ sở hạ tầng tại chợ được đầu tư nâng cấp cơ bản hoàn thiện đáp ứng tiêu chí nông thôn mới, hoạt động dịch vụ buôn bán tại chợ Thá và các ốt quán đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Tuy nhiên, hoạt động thương mại - dịch vụ đang dừng lại ở việc kinh doanh nhỏ lẻ, hộ gia đình, chưa có đầu tư quy mô về kinh doanh và thu hút đầu tư tại địa phương. Các sản phẩm buôn bán và cung cấp dịch vụ chỉ mới đáp ứng nhu cầu của người dân trong xã và các xã lân cận, chưa quảng bá, giới thiệu, thu hút được khách hàng ngoài huyện, ngoài tỉnh; chưa đưa được sản phẩm vào hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, nhà phân phối lớn...

- Du lịch nông thôn: là địa phương có lợi thế về địa hình vừa có biển vừa có núi, thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái như tại Khe Lau, phát triển các khu du lịch biển như tại Hải Đăng. Tuy nhiên để phát triển được cần nguồn vốn đầu tư lớn, các hộ kinh doanh đang đầu tư nhỏ lẻ, thiếu đồng bộ nên chưa phát huy được hết các tiềm năng lợi thế của địa phương.

4. Về đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

a) Hiện trạng các HTX

- Trên địa bàn xã đến thời điểm hiện nay còn 02 HTX hoạt động khá hiệu quả, đó là HTX đóng sữa chữa tàu Huy Tam và HTX TMDVTH chợ Thá Cẩm Lĩnh. Mỗi HTX có từ 8 - 10 thành viên, doanh thu bình quân của HTX từ 500 – 700 triệu đồng/HTX/năm.

b) Hiện trạng các Tổ hợp tác

- Trên địa bàn xã đến nay có 05 tổ hợp tác hoạt động khá hiệu quả gồm: THT làm đất, THT nuôi hàu sữa, THT thu mua chế biến hải sản, THT khai thác đánh bắt trên biển và THT chăn nuôi lợn. Mỗi THT quy mô từ 5 - 7 thành viên, thu nhập bình quân 6 triệu đồng/người/tháng, trong đó mức độ hoạt động ổn định và cho thu nhập cao là THT thu mua chế biến thủy sản và THT khai thác, đánh bắt trên biển.

c) Hoạt động các Doanh nghiệp

- Trên địa bàn xã đến nay có 4 doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân Quang Minh, Công ty lắp đặt thiết bị ngầm Tuấn Ninh; Doanh nghiệp thu mua, chế biến thủy sản Thuận Phương, Doanh nghiệp Toàn Bảo hoạt động trên các lĩnh vực thu mua chế biến thủy sản, xây dựng và lắp đặt các công trình. Các doanh nghiệp đều hoạt động khá và có nhiều đóng góp cho địa phương.

d) Kinh tế trang trại.

- Phát huy lợi thế về rừng, nhiều hộ gia đình đã phát triển kinh tế trang trại vườn đồi. Đến nay trên địa bàn xã có 7 trang trại tổng hợp quy mô vừa và nhỏ. Không có trang trại đạt chuẩn theo thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT của Bộ NN&PTNT.

e) Kinh tế hộ: Kinh tế hộ gia đình phát triển đồng đều, đa dạng mọi lĩnh vực, ngành nghề trong đó ngành khai thác thủy sản vẫn chiếm tỷ lệ lớn. Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 45,87 triệu đồng/người/năm.

5. Ứng dụng chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông thôn.

- Về ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã chưa được áp dụng. Các mô hình, HTX cũng chưa có ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Hoạt động thương mại điện tử, bán qua các kênh thương mại điện tử mặc dù có diễn ra nhưng còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát của cá nhân hộ sản xuất, kinh doanh, chưa được đưa vào quản lý, kiểm tra, theo dõi.

IV. THỰC TRẠNG HẠ TẦNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN.

1. Về hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng

- Hiện nay trên địa bàn có 3 hồ đập và 01 Trạm bơm: Đập Khe Lau, Đập Khe Dinh, Đập Hóa Dục, cụ thể:

- Đập Khe Lau:

- + Vị trí đập: nằm tại thôn 3, xã Cẩm Lĩnh.
- + Lưu vực: $2,68\text{km}^2$, $W_{\text{hồBT}} = 0,623 \times 10^6 \text{ m}^3$, $W_{\text{hồGCT}} = 0,831 \times 10^6 \text{ m}^3$
- + Cao trình đỉnh đập: + 16,6m, cao trình ngưỡng tràn: +15,8m.
- + Chiều dài đập đất: 503,74m, mặt đập: B=6m, cao 10,75m
- + Chiều rộng tràn: 35m kết cấu bằng bê tông
- + Đáy cống cao trình 8,0m
- + Hiện trạng: Công trình mới được đầu tư nâng cấp, làm mới tràn và thân đê năm 2017 hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2018 đảm bảo an toàn trước mùa mưa lũ và phục vụ tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp.

- Đập Khe Dinh:

- + Vị trí đập: nằm tại thôn 3, xã Cẩm Lĩnh
- + Lưu vực: $12,0\text{km}^2$, $W_{\text{hồ}} = 0,5 \times 10^6 \text{ m}^3$
- + Cao trình đỉnh : + 6,9m, cao trình ngưỡng tràn: +4,6m
- + Chiều dài đập đất: 300m, mặt đập B=3m
- + Chiều rộng tràn: 31,2m, kết cấu bằng bê tông
- + Cống lấy nước cao trình: +4,0m, Φ 60, chiều dài 12m
- + Hiện trạng: Hiện tại thân đập được kiên cố hóa bê tông, được tu sửa nâng cấp mố tràn hai phía, phía hạ lưu đập có 150 hộ dân thôn 3, đập có nguy cơ mất an toàn khi có mưa lũ. Cần chủ động phương án ứng phó, di dời khi mưa lũ cấp nguy hiểm.

- Đập Hóa Dục:

- + Vị trí đập: nằm tại thôn 8, thôn 9 xã Cẩm Lĩnh
- + Lưu vực: $6,0\text{km}^2$, $W_{\text{hồ}} = 0,5 \times 10^6 \text{ m}^3$

- + Cao trình đỉnh tường: + 11,65,0m, cao trình ngưỡng tràn: +10,25m
- + Chiều rộng đập tràn: 42,2m, kết cấu bằng đá xây bọc bê tông
- + Đáy cống cao trình 6,8m , cống Φ 50, dài 22m
- +Hiện nay tràn xả lũ có nước rò rỉ qua thân tràn (đập dâng).

- **Số trạm bơm:** Trên địa bàn xã có 01 tại đập Khe Dinh, tổng công suất 250m³/h, tưới cho đất trồng lúa 50ha, tình trạng đang phục vụ tốt. Tuy nhiên hệ thống điện phục vụ đang còn yếu, cần bổ sung.

Đánh giá về hệ thống kênh mương: Kênh mương chính (kênh cấp 1, kênh cấp 2) tổng số 11,12 km, trong đó đã kiên cố hóa (kể cả nhựa hoá bằng ống PVC) 11,12 km đạt 100%.

- Hệ thống thủy lợi trên địa bàn đáp ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 218/218%.

- Thực trạng đường giao thông nội đồng cơ bản được bê tông hóa, tỷ lệ bê tông hoá 5,63/6,9km đạt 81,6%

2. Về hạ tầng điện.

- Đường dây trung áp (35kv; 22kv; 10kv): 8,019 km.
- Trạm biến áp: 8 trạm TBA: 1.275 KVA.
- Đường dây hạ áp: 28, 917 km.
- Khách hàng sử dụng điện sinh hoạt: 1.770 hộ.
- Ngoài mục đích sinh hoạt: 83 hộ.
- Mức độ đáp ứng: Đáp ứng đầy đủ về nhu cầu sinh hoạt, phục vụ sản xuất, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, khu chăn nuôi và kinh tế trang trại.

3. Các hạ tầng khác có liên quan

3.1. Trường Mầm non Cẩm Lĩnh:

1. Thực trạng.

- Quy mô: Số cháu 453; Số lớp 15.
- Diện tích: 5.130 m²
- * Cơ sở vật chất hiện có:

1.1. Khối phòng hành chính quản trị:

- Phòng hành chính gồm có: 7 phòng trong đó gồm: 1 văn phòng, 1 phòng hiệu trưởng, 2 phòng phó hiệu trưởng, 1 phòng KT, 1 phòng BV, 1 phòng nhân viên (Các phòng do nâng cấp, tu sửa nên hiện nay đã xuống cấp)

- Khu vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên
- Khu để xe cán bộ, giáo viên, nhân viên (Xuống cấp)

1.2. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

- Phòng học: 15, phòng kiên cố: 15
- 1 phòng giáo dục nghệ thuật, 1 phòng GD thể chất

- Sân chơi có lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời dành cho trẻ khám phá, trải nghiệm.

1.3. Khối phòng tổ chức ăn;

- Nhà bếp: 1 nhà bếp

1.4. Khối phụ trợ:

- 1 phòng y tế

1.4. Hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu của nhà trường

- Hệ thống điện đảm bảo phục vụ công suất các hoạt động của nhà trường

3.2. Trường tiểu học Cẩm Lĩnh:

1. Thực trạng.

- Quy mô: Năm học 2022-2023: Số học sinh: 652; số lớp: 18

- Diện tích khuôn viên nhà trường: 10468,8 m²

- Cơ sở vật chất hiện có:

1.1. Khối phòng hành chính quản trị: Chưa có nên hiện tại đang dùng 5 phòng học để bố trí phòng làm việc cho HT, PHT, NVHC và phòng họp hội đồng.

1.2. Khối phòng học tập:

a. Phòng học: 18 phòng học kiên cố

b. Phòng học bộ môn: 1 phòng Âm nhạc; 1 phòng Mỹ thuật; 1 phòng Tin học; 1 Phòng Ngoại ngữ; 1 phòng Đa chức năng.

1.3. Khối phòng hỗ trợ học tập: 1 phòng thư viện đạt chuẩn; 1 phòng thiết bị giáo dục; 1 phòng Truyền thông - Đội.

1.4. Khối phụ trợ: Phòng họp (chưa có); Phòng Y tế (chưa có); Nhà kho (chưa có); Nhà để xe HS 100m²; Khu vệ sinh học sinh: 2 nhà trong đó có 1 nhà đã xuống cấp cần nâng cấp hoặc làm mới.; Cổng trường, hàng rào phía trước đã bị xuống cấp.

V. THUẬN LỢI, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Thuận lợi

- Là xã có điều kiện tự nhiên thuận lợi: có đầy đủ các loại đất như: đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối; có chiều dài bãi biển hơn 4km, có rừng, có các đập tràn Khe Lau, Khe Dinh, và đập Hoá Dục là điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng.

- Có đường huyện lộ, Quốc lộ 15B, đường quốc phòng ven biển chạy qua; Có Cầu Nhượng Lĩnh, Trung Lĩnh tạo điều kiện thuận tiện để phát triển mối liên hệ kinh tế xã hội giữa các vùng lân cận của huyện Cẩm Xuyên cũng như huyện Kỳ Anh.

- Phát huy truyền thống của đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang và các bản sắc của quê hương, nhân dân Cẩm Lĩnh có truyền thống cần cù, chịu khó, sáng tạo trong lao động, sản xuất. Ngoài ra nguồn lực lao động trẻ, dồi dào, có tay nghề.

- Sự quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo của cấp trên, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nhân dân.

- Kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, Nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước bằng các chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách và các giải pháp phù hợp, sát đúng với tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế.

- Thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm, chưa có nhiều giải pháp để tổ chức thực hiện đạt kết quả như: việc phá bờ vùng, bờ thửa để tạo cánh đồng mẫu lớn khó triển khai thực hiện, chưa có giải pháp cụ thể để chuyển đổi số diện tích cao cạn sang quy hoạch vùng trồng màu chuyên canh có hiệu quả kinh tế cao hơn; triển khai quy hoạch vùng cơ cấu giống lúa năng suất cao chưa hiệu quả, thiếu quyết liệt.

- Phát triển chăn nuôi trong nhân dân có chiều hướng giảm và thiếu bền vững, việc liên doanh, liên kết trong chăn nuôi gặp nhiều khó khăn.

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ chưa tương xứng so với tiềm năng, lợi thế. Các mô hình phát triển kinh tế quy mô còn nhỏ lẻ, tự phát nên hiệu quả kinh tế chưa cao.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- *Nguyên nhân khách quan:*

- Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của xã thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, sản xuất nông nghiệp không chủ động được nguồn nước tưới, dịch bệnh, giá cả nhiên liệu, vật tư nông nghiệp tăng cao đã ảnh hưởng tâm lý ngại đầu tư phát triển sản xuất của nhân dân.

- *Về nguyên nhân chủ quan:*

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền có thời điểm chưa quyết liệt. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch chưa thống nhất.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. QUAN ĐIỂM

1. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là cơ sở và lực

lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, quê hương và bảo vệ môi trường sinh thái. Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường. Phát huy lợi thế, hiệu quả các nguồn lực (tự nhiên và con người), đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ vào sản xuất. Chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, sản xuất sản phẩm có giá trị cao, đa dạng theo chuỗi giá trị phù hợp với yêu cầu của thị trường, chú trọng phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn.

3. Xây dựng nông thôn văn minh, có cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao; bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của quê hương, an ninh trật tự được giữ vững; phát triển môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

4. Nhân dân là chủ thể, trung tâm và được hưởng lợi chính từ thành quả của các hoạt động phát triển nông thôn. Phát huy nội lực, tạo cơ hội bình đẳng trong tiếp cận các điều kiện phát triển và hưởng thụ phúc lợi xã hội. Phát triển kinh tế hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị, tập huấn, bồi dưỡng nhằm xây dựng lực lượng lao động nông thôn có kiến thức, tay nghề cao đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Phát huy tinh thần đoàn kết, “tương thân, tương ái, tình làng, nghĩa xóm”, tự chủ, sáng tạo của người dân nông thôn.

5. Tiếp tục Ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư, phát triển nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng nền nông nghiệp phát triển dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo hướng tích hợp đa giá trị. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp, phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững cho người dân gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và đa dạng nguồn thu nhập cho cư dân nông thôn. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái có hiệu quả cao, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Đến năm 2025 cơ cấu tỷ trọng kinh tế: Thương mại, dịch vụ và du lịch chiếm tỷ trọng 34,5%; công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 19,2%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 46,3%.

- Xây dựng thêm 1-2 sản phẩm chủ lực của xã đạt chuẩn OCOP, áp dụng công nghệ số gắn với truy xuất nguồn gốc để phát triển các sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực của xã.

- Có mô hình sản xuất dưới hình thức hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 60 triệu đồng/người/năm;

- Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 80%;

- Phấn đấu đạt tiêu chí số 13 “Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn” theo Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025 vào năm 2023.

3. Định hướng đến năm 2030

- Đến năm 2025 cơ cấu tỷ trọng kinh tế: Thương mại, dịch vụ và du lịch chiếm tỷ trọng 36,4%; công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 20,9%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 42,7%.

- Tiếp tục xây dựng thêm các sản phẩm chủ lực của xã đạt chuẩn OCOP, áp dụng công nghệ số gắn với truy xuất nguồn gốc để phát triển các sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực của xã.

- Nâng cao thu nhập người dân, giảm nghèo bền vững. Thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn 2 – 2,5 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1 - 1,5%/năm. Phấn đấu đạt xã NTM kiểu mẫu.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đẩy mạnh cơ cấu lại, phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững.

1.1. Trồng trọt:

- Chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế, thổ nhưỡng và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nhân rộng các mô hình đồn điền đổi thửa, tập trung, tích tụ ruộng đất, hình thành các cánh đồng lớn, vùng sản xuất chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn như: Trồng lúa (lúa thương phẩm) tại các xứ đồng Mậu Trên, Mậu Dưới, Đê, Sét, Chùa, xứ thửa thái với tổng diện tích 70ha.

- Chuyển đổi số diện tích trồng lúa năng suất thấp, diện tích cao cạn sang quy hoạch vùng trồng màu tập trung, trồng dược liệu tại các xứ đồng như Đồng Me, Khe Mồi với diện tích 3ha. Trồng cây dược liệu với diện tích 3,5ha (cây Ba kích, cà gậy leo, chè vàng...), cây ăn quả tại các trang trại, vườn hộ của các thôn đảm bảo được nguồn cung cấp nguyên liệu, sản phẩm có chất lượng

cho hoạt động chế biến, thị trường tiêu thụ lớn. Ứng dụng khoa học kỹ thuật, kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ mới vào sản xuất;

1.2. Chăn nuôi:

- Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại tổng hợp có quy mô, nhất là phát triển đàn trâu, bò, dê, đàn lợn, đàn gia cầm. Thành lập các tổ hợp tác chăn nuôi và tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ cung ứng giống, thức ăn đến bao tiêu sản phẩm.

- Khuyến khích chăn nuôi hộ truyền thống có cải tiến theo hướng chuyên nghiệp hóa, chăn nuôi hữu cơ. Xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung xa nơi dân cư, thuận lợi cho xử lý môi trường và phòng tránh dịch bệnh tại vùng Chợ thôn 1, vùng Chai thôn 6. Quản lý và sử dụng hiệu quả chất thải chăn nuôi, sử dụng các chế phẩm sinh học vào xử lý môi trường chăn nuôi, thúc đẩy các mô hình tuần hoàn trong chăn nuôi theo hướng xanh sạch, thân thiện với môi trường. .

1.3. Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Quy hoạch, phát triển vùng nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao tại xứ Cồn Vạn cho các đối tượng có giá trị kinh tế cao như: Tôm thẻ chân trắng, ốc hương với diện tích 20 ha. Tận dụng tối đa lợi thế về mặt nước để quy hoạch và phát triển các vùng nuôi hầu sứa, sò với tổng diện tích 21ha.

- Khai thác thủy sản: Phát triển khai thác thủy sản vùng khơi, vùng lộng hiệu quả, bền vững. Tăng cường bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản. Kết hợp giữa khai thác, thu mua và chế biến thủy hải sản nhằm tăng giá trị sản phẩm.

1.4. Lâm nghiệp:

Phát triển ngành lâm nghiệp thực sự tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương góp phần nâng cao thu nhập của người dân, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, giữ vững quốc phòng và an ninh. Tập trung quản lý chặt chẽ, bảo vệ và chăm sóc, đẩy mạnh tái sinh tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế đối với rừng trồng sản xuất. Giao quyền cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong việc quản lý, sử dụng rừng và đất rừng hiệu quả.

1.5. Diêm nghiệp:

- Quy hoạch lại đất làm muối tại thôn 2 với diện tích 3,5ha, đầu tư hạ tầng, đê bao tại đồng muối để đảm bảo duy trì nghề truyền thống của địa phương. Ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất muối góp phần tăng năng suất, giảm sức lao động.

2. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn và thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP

- Quy hoạch vùng sản xuất kinh doanh phía Đông đường QL15B, thôn 1 với diện tích 0,66ha; tại thôn 2 với diện tích 1,26ha; điểm tập kết vật liệu xây dựng xã Cẩm Lĩnh với diện tích 3,0ha được lấy trên đất trồng cây lâu năm.

- Khôi phục, bảo tồn nghề làm muối truyền thống, đẩy phát triển và mở rộng quy mô sản ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng trên địa bàn.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển 01 - 02 sản phẩm đặc sản của địa phương đạt chuẩn OCOP, nhất là các sản phẩm chủ lực từ thủy hải sản gắn với xây dựng NTM, đồng thời mở rộng giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm OCOP của địa phương.

3. Tổ chức tốt các hoạt động thương mại, dịch vụ và phát triển du lịch nông thôn

- Tập trung phát triển đa dạng các loại hình thương mại - dịch vụ trên địa bàn nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt, nhu cầu tiêu dùng, vật tư phục vụ sản xuất cho người dân, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân.

- Có chính sách thu hút đầu tư xây dựng vùng Đập Lở trở thành trung tâm thương mại dịch vụ phát triển. Xây dựng và phát triển các điểm siêu thị Mini tiện ích trên địa bàn. Phát huy tiềm năng lợi thế về đánh bắt, nuôi trồng thủy sản để phát triển ngành nghề thu mua và chế biến thủy hải sản.

- Khai thác tiềm năng tối đa về dịch vụ du lịch sinh thái tại Hải Đăng, núi Tượng Lĩnh. Triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

- Xây dựng 01-02 mô hình du lịch sinh thái trải nghiệm tại đập Khe Lau.

4. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn

4.1. Về thủy lợi:

- Về hệ thống hồ, đập: Nguồn cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp chính từ hệ thống hồ, đập gồm: Đập Khe Dinh, Đập Khe Lau, Đập Hoá Dục.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống hồ đập, công trình thủy lợi hiện có trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ, xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới - tiêu phù hợp cho các vùng sản xuất, bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu (phòng chống lũ, hạn, sấm sét, nhiễm mặn,...) và sử dụng nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn;

4.2. Giao thông nội đồng:

- Xây dựng hệ thống giao thông nội đồng đảm bảo tiêu chí xây dựng NTM, thuận lợi cho việc cơ giới hoá các khâu trong sản xuất cụ thể như sau: Nhà văn hóa thôn 6 đi bực dài 2,3km; QL15B đi Trục xã TX46 dài 0,35km; Huyện lộ HL129 đi trục xã TX 45 dài 0,3km; Huyện lộ HL129 đi nghĩa địa Lạc An dài 0,3km; Đồng Đập Mương đi Trộp Đá dài 0,5km; Cống Đập Cần đi huyện lộ HL135 dài 0,4km.

- Kế hoạch trung hạn (2022-2030) và hàng năm: bê tông trục chính giao thông nội đồng (chủ yếu là cấp phối để cứng hoá, chỉ bê tông những tuyến chính, quan trọng) như: năm 2023 làm các tuyến Nhà văn hóa thôn 6 đi bực dài 2,3km; QL15B đi Trục xã TX46 dài 0,35km; năm 2024 Huyện lộ HL129 đi trục xã TX 45 dài 0,3km; Huyện lộ HL129 đi nghĩa địa Lạc An dài 0,3km; năm 2025 Đồng Đập Mương đi Trộp Đá dài 0,5km; Cống Đập Cần đi huyện lộ HL135 dài 0,4km.

4.3. Điện sản xuất

Để đáp ứng điện cho sản xuất và đời sống của nhân dân, kế hoạch sẽ nâng cấp cụ thể như sau:

- Dự kiến nâng cấp TBA 3 lên 500 Kva tại cụm 1 để phục vụ thôn 1 và khu sản xuất kinh doanh.

- Dự kiến xây dựng mới TBABS1 công suất 400Kva tại cụm 2 để phục vụ cho thôn 2 và khu sản xuất kinh doanh.

- Dự kiến nâng cấp TBA 2 lên 250Kva tại cụm 3 để phục vụ thôn 3.

- Dự kiến XD mới TBABS2 công suất 250Kva tại cụm 4 để phục vụ cho thôn 4.

- Dự kiến nâng cấp TBA1 lên 320 KVA tại cụm 5 để phục vụ cho thôn 4 và khu trung tâm xã.

- Dự kiến xây dựng mới TBABS3 công suất 250Kva tại cụm 6 để phục vụ cho thôn 5.

- Dự kiến xây dựng mới TBABS4 công suất 500Kva tại cụm 7 để phục vụ cho thôn 6 và khu sản xuất kinh doanh.

- **Cụm 8:** Gồm thôn 5 và khu vực nuôi trồng thủy sản.

Dự kiến xây dựng mới TBABS5 công suất 100Kva tại cụm 8 để phục vụ cho thôn 5 và khu vực nuôi trồng thủy sản tại xứ Cồn Vạn.

4.4. Các cơ sở hạ tầng khác

- Đề xuất với UBND huyện phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão tại địa bàn xã Cẩm Lĩnh để đáp ứng nhu cầu về phát triển kinh tế của địa phương.

5. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

5.1. Các loại hình hợp tác xã.

- Phân đầu thành lập mới 2-3 Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả; Có ít nhất 02 HTX hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

- Gắn hoạt động của HTX với phát triển các sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị và HTX tham gia các hoạt động dịch vụ, ngành nghề nông thôn trên địa bàn xã nhất là lĩnh vực khai thác, chế biến và tiêu thụ các mặt hàng thủy, hải sản.

- Đổi mới, phát triển HTX trở thành tác nhân kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp. Thông qua việc nâng cao năng lực HTX, tái cơ cấu bộ máy HTX, tái cơ cấu các hoạt động của HTX, cụ thể: Cấu trúc lại HTX; thúc đẩy liên kết; nâng cao năng lực quản trị và điều hành HTX: Ứng dụng công cụ trực tuyến để trao đổi thông tin, họp, ra quyết định tập thể, đào tạo, tuyên truyền, tư vấn và nhận tư vấn; nâng cao kỹ năng xúc tiến, đàm phán kinh doanh; nâng cao năng lực tiếp cận thị trường.

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của TW và địa phương về khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác như hỗ trợ đào tạo cán bộ, vay vốn tín dụng, hỗ trợ áp dụng công nghệ mới; đất đai để làm trụ sở, xây dựng cơ sở dịch vụ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm các mặt hàng chủ lực...

5.2. Kinh tế trang trại

- Xây dựng và phát triển kinh tế trang trại tại khu vực ven rừng, chủ yếu tập trung phát triển các trang trại tổng hợp như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản.

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của TW và địa phương về khuyến khích, hỗ trợ phát triển các trang trại như đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, thủy lợi, hệ thống xử lý môi trường; tập huấn quản lý sản xuất, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho các chủ trang trại, hỗ trợ vốn vay ưu đãi...

5.3. Kinh tế hộ gia đình

- Tập trung phát triển kinh tế hộ gia đình, căn cứ vào đặc điểm, thế mạnh của từng vùng, từng thôn để xây dựng các giải pháp hỗ trợ kinh tế hộ phát triển như hỗ trợ giải pháp quy hoạch sản xuất; ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới; giải pháp về vốn; về xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; liên kết liên doanh trong sản xuất và tiêu thụ nông sản và các sản phẩm ngành nghề....

5.4. Hoạt động các doanh nghiệp

- Ổn định hoạt động các doanh nghiệp đã có, tạo điều kiện tốt nhất, đề đến 2030 có ít nhất 7 doanh nghiệp thành lập hoạt động trên các lĩnh vực như: xây dựng, chế biến nông lâm sản, dịch vụ thương mại, bình quân mỗi doanh nghiệp giải quyết được từ 10 - 15 lao động, phân đầu tạo thu nhập ổn định cho người

lao động 8 - 10 triệu đồng/tháng. Mời gọi các doanh nghiệp vào địa phương để liên kết - liên doanh trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Tạo điều kiện cơ sở mặt bằng để doanh nghiệp vào sản xuất; nhất là giải quyết nhanh các thủ tục hành chính có liên quan và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Tổ chức các buổi gặp mặt, thông tin, giới thiệu về định hướng phát triển kinh tế của xã, kêu gọi con em địa phương làm ăn ở các nơi tham gia đầu tư phát triển sản xuất ở địa phương.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát lại quy hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch đã được phê duyệt.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương. Thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của xã đã được UBND huyện phê duyệt để tổ chức thực hiện theo lộ trình. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch, nhất là quy hoạch vùng đất ở khu dân cư, đất sản xuất, đất kinh doanh nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lực đất đai. Quan tâm để ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu cho việc phát triển kinh tế xã hội tại các vùng quy hoạch như khu thương mại dịch vụ, vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng sản xuất công nghệ cao....

2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tập huấn, đào tạo nghề và kiến thức cho nông dân

- Tổ chức triển khai phổ cập kiến thức cho người nông dân, đổi mới hoạt động đào tạo nghề cho nông dân, lao động nông thôn, thông qua các phương tiện truyền thông cơ sở, qua các tổ chức hội, qua doanh nghiệp, HTX, các các lớp đào tạo nghề... đáp ứng nhu cầu, nội dung đào tạo như về kỹ năng về sản xuất nông nghiệp, các ngành nghề phi nông nghiệp, các kỹ năng kinh tế số, công nghệ mới, kỹ năng quản lý kinh tế, xúc tiến thương mại, quản lý tài nguyên, môi trường, bảo vệ sản xuất, ngoại ngữ cho lao động xuất khẩu.

b) Tập huấn, đào tạo cán bộ quản lý:

- Đào tạo, tập huấn cán bộ cấp xã, Ban quản lý HTX, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý ngành nông nghiệp đảm bảo có trình độ; cán bộ thôn về xây dựng NTM; chủ trang trại về kỹ năng quản lý điều hành, công tác tài chính kế toán, xây dựng kế hoạch sản xuất, phân tích thị trường...

- Có chính sách hỗ trợ đối với cán bộ đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định hiện hành.

3. Ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số

- Áp dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học công nghệ nhằm đổi mới quy trình từ quản lý đến sản xuất, chế biến, tiêu thụ và trang bị các máy móc, hệ thống thiết bị

đồng bộ, hiện đại để tạo ra những sản phẩm đa dạng về chủng loại, mẫu mã, kiểu dáng và giá thành thấp nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp đảm bảo yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm và có sức cạnh tranh trên thị trường ...

- Đẩy nhanh ứng dụng chuyên đổi số trong công tác quản lý điều hành, phát triển các sản phẩm chủ lực, tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, gắn truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường; quản lý, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch hại, phòng cháy chữa cháy rừng. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyên đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

4. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình điển hình tiên tiến.

- Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhất là trong thu mua, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm thủy hải sản. Khuyến khích và tạo thuận lợi phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, hình thành các mô hình hợp tác, liên kết chặt chẽ, bình đẳng tin cậy giữa nông dân và doanh nghiệp

- Xây dựng các liên hiệp các HTX có cùng nhóm sản phẩm hoặc cùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô, nâng cao hiệu quả. Hỗ trợ HTX mua và phân phối chung vật tư đầu vào, liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ nông sản đầu ra và cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất bao gồm cả tín dụng. Khuyến khích và hỗ trợ các HTX phát triển thành doanh nghiệp; HTX chủ động xây dựng chuỗi giá trị nông sản. Xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến.

5. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu gắn với phát triển sản phẩm OCOP, phát triển du lịch.

- Triển khai thực hiện, tuyên truyền Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”;

- Tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng đến nhà phân phối lớn, hệ thống siêu thị, người tiêu dùng trong và ngoài huyện. Tăng cường các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá giới thiệu sản phẩm, đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm, nhất là các sản phẩm đạt chuẩn OCOP hiện đại, phù hợp.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc trưng, chủ lực, ngành nghề truyền thống của địa phương; Tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng hàng hoá vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm.

6. Tăng cường quản lý nhà nước về Phát triển kinh tế nông thôn

- Về vệ sinh an toàn thực phẩm: Tăng cường công tác giáo dục tuyên truyền, tập huấn từ kiến thức pháp luật về an toàn thực phẩm, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng phương pháp sản xuất theo quy trình, đảm bảo ATTP. Định hướng sản xuất theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, sản xuất theo mô hình liên kết thành chuỗi, nuôi trồng, chế biến theo một tiêu chuẩn nhất định đến tiêu thụ sản phẩm và gắn liền với thương hiệu sản phẩm. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và xử lý triệt để những trường hợp vi phạm ATTP, phát huy có hiệu quả vai trò của các tổ chức, đoàn thể trong giám sát hoạt động sản xuất và tuyên truyền những kiến thức về an toàn thực phẩm. Các giải pháp phối hợp thực hiện phải đồng bộ thì sản phẩm ngành nông nghiệp đạt một giá trị cao, chất lượng an toàn gắn liền một thương hiệu góp phần thuận lợi cho nền nông nghiệp phát triển bền vững của địa phương.

- Về giống, vật tư nông nghiệp: Siết chặt công tác quản lý, tăng cường kiểm soát vật tư nông nghiệp trên thị trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này. Đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền để người dân nâng cao nhận thức trong đấu tranh phòng, chống, tố giác tội phạm, lên án các hành vi buôn lậu hàng giả, hàng kém chất lượng, giúp cơ quan chức năng công khai vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Về đảm bảo vệ sinh môi trường cảnh quan: Phát triển kinh tế nông thôn phải gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, phải xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy ước về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; xây dựng và tổ chức thực hiện dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường; Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; tổ chức quản lý các nguồn thải trên địa bàn; Truyền thông nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng cư dân nông thôn; gắn bảo vệ môi trường với xây dựng NTM.

- Về thực hiện cơ chế chính sách: Tập trung xây dựng và triển khai một số cơ chế, chính sách mang tính chiến lược, đột phá trong phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng NTM như chính sách về đất đai, chính sách về tài chính tín dụng, chính sách về đầu tư, chính sách thuế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực...

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Lồng ghép các nội dung của đề án, nguồn vốn phù hợp, đúng quy định và phát huy hiệu quả nguồn kinh phí, cụ thể:

- Ngân sách trung ương, tỉnh:

+ Nguồn kinh phí hỗ trợ từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình khuyến nông,...;

+ Nguồn kinh phí từ các cơ chế, chính quy định tại các Nghị quyết: số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025, số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh quy định về một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025, số 56/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, số 215/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh quy định về một số chính sách hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm, hành hóa, dịch vụ Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo, số 262/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND về tiếp tục thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 của HĐND tỉnh về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh, các nghị quyết khác hiện hành;

- Ngân sách cấp huyện, xã;
- Nguồn vốn các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình;
- Nguồn vốn tín dụng;
- Nguồn vốn huy động hợp pháp;
- Nguồn vốn khác.

2. Các dự án ưu tiên thực hiện:

- Các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi.
- Các mô hình kinh tế số, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.
- Các dự án xây dựng giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất.
- Các dự án liên kết theo chuỗi giá trị.
- Dự án mô hình kinh tế nuôi trồng thủy hải sản ứng dụng công nghệ cao tại Cồn Vạn; Nuôi cua trong hộp nhựa tại xứ Đồng Mung.
- Dự án phát triển sản phẩm OCOP Hà Tĩnh.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, quán triệt thực hiện Đề án

- Sau khi đề án đã được phê duyệt, Lãnh đạo UBND xã tổ chức tuyên truyền quán triệt đến tận cán bộ, Đảng viên về các nội dung của Đề án.
- Các tổ chức đoàn thể tiến hành tổ chức quán triệt và giao nhiệm vụ cho các đoàn viên, hội viên của mình hiểu rõ nội dung đề án, trách nhiệm của hội viên đoàn viên trong tổ chức thực hiện.

- Các thôn xóm tổ chức họp dân đưa công khai các nội dung đề án để thảo luận và bàn các giải pháp tổ chức thực hiện, lựa chọn những nội dung cần ưu tiên trước và các phương pháp huy động nguồn lực ...

2. Phân công nhiệm vụ

- Thành lập ban chỉ đạo chung và các ban chỉ đạo các dự án riêng, phân công nhiệm vụ của từng tổ chức cá nhân trong việc tham mưu chỉ đạo thực hiện Đề án.

+ BCH Đảng ủy xã: Ban hành Nghị quyết về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế hàng năm. Trên cơ sở Đề án đã được xây dựng, tiếp tục tập trung chỉ đạo để hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXXII đã đề ra, đồng thời xem xét đề ra các chỉ tiêu, mục tiêu đảm bảo sát đúng với tình hình thực tiễn phát triển kinh tế nông thôn nhiệm kỳ 2025 - 2030

+ HĐND xã: Căn cứ vào Đề án và kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm để ban hành các Nghị quyết đảm bảo sát đúng.

+ UBND xã, BQL XD Nông thôn mới xã: Bám sát các văn bản về Bộ tiêu chí xây dựng NTM, Khung kế hoạch xây dựng xã NTM nâng cao và Đề án để chỉ đạo triển khai thực hiện đạt kết quả.

+ UBMTTQ: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển kinh tế nông thôn. Thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện xã hội.

+ Hội Nông dân, hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Ban phát triển các thôn: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, Đoàn viên và quần chúng nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tham gia đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là thành viên tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Đề nghị HĐND xã ban hành Nghị quyết huy động nguồn lực phát triển kinh tế, giám sát việc tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết.

- UBND xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đề án, phân công cán bộ trực tiếp chỉ đạo các thôn.

3. Công tác phối hợp báo cáo sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm

- Hàng tuần BCD xã tổ chức hội nghị giao ban phản ánh tình hình về tiến độ thực hiện các nội dung Đề án.

- Hàng tháng tổ chức họp rút kinh nghiệm báo cáo BCD huyện, tỉnh về kết quả tổ chức thực hiện, các vướng mắc đề nghị giúp đỡ giải quyết.

- Sơ kết công tác quý và 6 tháng, năm về tình hình tiến độ triển khai các nội dung Đề án, chọn những điển hình tốt, cách làm hay để nhân ra diện rộng,

các tồn tại vướng mắc đề xuất cấp trên giải quyết; kịp thời khen thưởng, biểu dương tổ chức, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4. Giám sát đánh giá đề án

- Tổ chức giám sát nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực thực hiện Đề án làm căn cứ hoạch định chính sách, điều chỉnh kế hoạch và giải pháp kịp thời. Giám sát các chương trình, đề án, dự án thực hiện thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch 5 năm, hàng năm hoặc đột xuất. Rà soát, điều chỉnh Đề án phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện thực tiễn.

Phần thứ tư ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND cấp huyện và các phòng, ban liên quan của huyện:

- Triển khai kịp thời các chính sách trung ương của tỉnh đã ban hành, đồng thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách của huyện để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của từng địa phương.

2. Đối với Đảng ủy, HĐND xã, Mặt trận và các Đoàn thể ở xã:

Tăng cường công tác lãnh đạo chỉ đạo bằng các chủ trương, Nghị quyết. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội.

3. Các doanh nghiệp đóng trên địa bàn và các doanh nghiệp liên kết liên doanh với địa phương tăng cường liên kết sản xuất - bảo quản, chế biến - tiêu thụ nông sản.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các ban ngành, đoàn thể cấp xã;
- Lưu: Vp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Như Hùng